

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN TỔ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Phan Hữu Túc	Hiệu trưởng	Tổ trưởng	
2	Ông Cao Huy Hưng	Phó hiệu trưởng	Tổ phó	
3	Bà Võ Thị Vân	Thư kí HĐSP	Thư ký	
4	Bà Ngô Thị Minh	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên	
5	Bà Lê Thị Mai Hoa	Tổ trưởng tổ KHTN	Ủy viên	
6	Bà Hoàng Thị Yến	Tổ trưởng tổ KHXH	Ủy viên	
7	Bà Phạm Thị Loan	Tổ phó tổ KHTN	Ủy viên	
8	Bà Lê Thị Thanh Thủy	Tổ phó tổ KHXH	Ủy viên	
9	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên	
10	Bà Cao Thị Thúy Hà	Trưởng ban Nữ Công	Ủy viên	
11	Bà Nguyễn Thị Dung	Trưởng ban TTND	Ủy viên	
12	Bà Phạm Thị Thảo	Nhân viên TV,TB	Ủy viên	
13	Phan Thị Kim Chung	Nhân viên kế toán	Ủy viên	

KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024- 2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Mục đích

- Tăng cường hiệu quả hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và các hoạt động chỉ đạo của nhà trường.
- Đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, thực hiện thành công chương trình GDPT 2018.
- Xây dựng môi trường học tập đảm bảo thân thiện, an toàn, lành mạnh trong giảng dạy và học tập.
- Hình thành được văn hóa chất lượng trong nhà trường hướng đến chất lượng thực của học sinh, hướng đến sự thành đạt của người học.
- Chuẩn bị nền tảng kiến thức vững chắc, toàn diện, các giá trị sống, kỹ năng mềm và kỹ năng toàn cầu cho học sinh, có khả năng đáp ứng hiệu quả nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao; trở thành trung tâm cho quá trình đổi mới, sáng tạo, nâng cao vị thế và uy tín của nhà trường.

2. Yêu cầu

Xây dựng hệ thống ĐBCL giáo dục bên trong nhà trường phải tuân thủ các yêu cầu sau:

- a) Các quy định pháp luật hiện hành, các văn bản quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các quy định đảm bảo phù hợp với mục tiêu giáo dục của nhà trường.
- b) Thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn.
- c) Nhấn mạnh vai trò của người quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường và lấy người học làm trung tâm.
- d) Huy động sự tham gia của cán bộ quản lý các cấp, giáo viên, nhân viên, người học và cộng đồng địa phương.
- e) Tiếp cận theo chuẩn đầu ra của cấp học, bậc học theo Chương trình GDPT 2018, gắn kết với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn của Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
- g) Phù hợp với thực tiễn của nhà trường, dễ thực hiện, thuận tiện trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá và cải tiến chất lượng. Bảo đảm tính trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời.

3. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 Hội nghị Trung ương 8 Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 02-NQ/ĐU.SGD&ĐT ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Ban Chấp hành

Đảng bộ Sở Giáo dục và Đào tạo về đảm bảo chất lượng giáo dục phổ thông tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Kế hoạch số 683/ KH-UBND ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An về thực hiện công tác Đảm bảo chất lượng trong các cơ sở giáo dục phổ thông giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến 2030 trên địa bàn Tỉnh Nghệ An,

- Công văn số 2810/SGD&ĐT-KT&KĐCLGD ngày 11/10/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An về hướng dẫn thực hiện công tác ĐBCL trong các cơ sở GDPT giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn Tỉnh Nghệ An;

- Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của UBND huyện Diễn Châu về việc thực hiện công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) trong các trường tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Diễn Châu; Công văn số 2012/SGD&ĐT-QLCL ngày 10/9/2024 của Sở GD&ĐT hướng dẫn công tác quản lý chất lượng năm học 2024-2025

- Công văn số 1031/PGD&ĐT-CTTT ngày 14/10/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Diễn Châu về hướng dẫn thực hiện công tác ĐBCL trong trường TH, THCS trên địa bàn huyện Diễn Châu năm học 2024- 2025.

- Xuất phát từ thực tiễn hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục tại nhà trường: chưa thực hiện đầy đủ việc quản lý chất lượng bên trong trước khi đánh giá dẫn tới chưa đóng góp nhiều cho việc nâng cao chất lượng GD. Do vậy, để nâng cao hiệu quả công tác KĐCLGD đạt Cấp độ 2, giữ vững trường đạt chuẩn QG Mức độ 1, nâng cao chất lượng GD nhà trường thì phải thực hiện tốt công tác ĐBCL bên trong.

II. KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1. Đảm bảo các yếu tố bối cảnh

1.1. Phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo chính quyền các cấp để thông báo, tuyên truyền, phổ biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, phong tục tập quán, xu hướng phát triển nghề nghiệp của địa phương và trong cả nước nhằm giáo dục phẩm chất đạo đức, luyện rèn năng lực sống, học tập và làm việc cho học sinh, thông qua:

- Hoạt động giáo dục của địa phương; Hoạt động trải nghiệm ở địa phương;
- Thực hiện ở các môn học như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, GDCD, Công nghệ,...
- Giờ Chào cờ, HĐTN-HN, sinh hoạt đầu tuần;
- Các phương tiện truyền thông, thông tin.

1.2. Xây dựng các nội quy, quy chế có tính dân chủ, tập thể cho học sinh, bao gồm:

- Nội quy, quy chế cơ quan;
- Quy chế phối hợp giữa: Các tổ chức chính trị - xã hội với Nhà trường; Ban đại diện Hội cha mẹ học sinh với Nhà trường;
- Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở.

1.3. Xây dựng văn hóa nhà trường, tạo nên một môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn góp phần xây dựng một môi trường giáo dục chuẩn mực theo quy định, bao gồm:

- Xây dựng Bộ nội quy, quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường.
- Tổ chức xây dựng, tuyên dương và nhân rộng các tấm gương, mô hình tiên tiến; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm nội quy, quy tắc

ứng xử văn hóa của nhà trường để uốn nắn, định hướng quá trình xây dựng và phát triển mô hình văn hóa của nhà trường.

- Thường xuyên trao đổi tổng kết kinh nghiệm về xây dựng mô hình văn hóa nhà trường; hướng dẫn hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên trong nhà trường và giữa các trường với nhau để học tập những mô hình tốt, bổ sung hoàn thiện những tiêu chuẩn, tiêu chí một cách cụ thể, nhằm ngày càng hoàn thiện hơn mô hình văn hóa nhà trường.

1.4. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo tính minh bạch và dân chủ. Xây dựng kế hoạch phân bổ nguồn kinh phí hằng năm cho các hoạt động đảm bảo hợp lý, hiệu quả, thông qua Hội nghị viên chức và người lao động.

1.5 Các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội xây dựng chương trình công tác, chương trình phối hợp với địa phương nhằm chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp cho giáo viên, học sinh trong việc:

- Động viên, thăm hỏi, hỗ trợ các giáo viên, học sinh có hoàn cảnh khó khăn;
- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa;
- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về các chính sách, pháp luật, giới tính, sức khỏe sinh sản,...
- Tổ chức các hội thi về kiến thức, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho giáo viên và học sinh.

1.6. Tuyên truyền, vận động về chủ trương huy động nguồn lực, xã hội hóa giáo dục để tạo sự chuyển biến tích cực của các cấp, các ngành và nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân về ý nghĩa tầm quan trọng của việc đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, xây dựng trường chuẩn quốc gia để nâng cao chất lượng giáo dục, thông qua:

- Các cuộc làm việc với cấp ủy, chính quyền địa phương;
- Các phương tiện thông tin, truyền thông;
- Các cuộc họp phụ huynh lớp, trường; các cựu học sinh trường.

2. Đảm bảo các yếu tố đầu vào:

2.1. Phân tích yếu tố bên trong và bên ngoài nhà trường.

a) Yếu tố bên trong: (Đặc điểm của nhà trường năm học 2024 –2025).

+ Học sinh:

Toàn trường	Tổng số	Trong đó				Ghi chú
		Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9	
Số lớp	19	5	5	5	4	
Số học sinh	910	271	248	235	156	
Tỷ lệ bình quân HS/lớp	47.9	54.2	49.6	47	39	
<i>Trong đó:</i>						
- Nữ	451	134	125	116	76	
- Khuyết tật	1				1	
- Chính sách	0					
- Hộ nghèo	17	3	4	6	4	
- Cận nghèo	41	16	8	6	11	
- Mồ côi cả cha và mẹ	0					
- Lưu ban	5	2	1	2	0	

- Mời tuyển	269	269				
-------------	-----	-----	--	--	--	--

* **Chất lượng:** Theo đánh giá cuối năm học 2023 – 2024

+ **Chất lượng giáo dục toàn diện:**

Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm: Đạt và vượt chỉ tiêu

TT	Số liệu	Khối lớp 6	Khối lớp 7	Khối lớp 8	Khối lớp 9
1	Tổng số HS/số lớp	249/5	231/5	160/4	215/5
2	Kết quả xếp loại học lực				
a	Số HS xếp loại giỏi (tốt)/ tỉ lệ %	51/20.5	47/20.4	23/14.4	56/26.1
b	Số HS xếp loại khá/ tỉ lệ %	93/37,3	69/29.8	55/34.4	85/39.5
c	Số HS xếp loại trung bình (đạt)/ tỉ lệ %	103/41.4	114/49.4	80/50.0	74/34.4
d	Số HS xếp loại yếu (chưa đạt)/ tỉ lệ %	2/0.8	1/0.4	2/1.2	0
3	Kết quả xếp loại hạnh kiểm				
a	Số HS xếp loại hạnh kiểm tốt/ tỉ lệ %	212/85.1	184/79.7	116/72.5	205/95.4
b	Số HS xếp loại hạnh kiểm khá/ tỉ lệ %	37/14.9	31/13.4	38/23.7	9/4.2
c	Số HS xếp loại hạnh kiểm trung bình (đạt)/ tỉ lệ %	0	16/6.9	5/2.1	1/0.4
d	Số HS xếp loại hạnh kiểm yếu (chưa đạt)/ tỉ lệ %	0	0	1/0.6	0

+ **Danh hiệu thi đua HS:**

* Khối 6, 7, 8:

- Học sinh Xuất sắc: $4/640 = 0.63\%$

- Học sinh Giỏi: $117/640 = 18.28\%$

* Khối 9:

- Học sinh Giỏi: $56/215 = 26.04\%$;

- Học sinh Tiên tiến: $85/215 = 39.53\%$

* **Danh hiệu thi đua các tập thể lớp:**

- Có 5 tập thể đạt lớp TTXS: lớp 6A, 6D, 7A, 8A, 9A.

- Có 7 tập thể đạt lớp TT: lớp 6E, 7C, 7D, 7E, 8B, 9B, 9C.

* **Chất lượng học sinh giỏi các cấp và các sân chơi chuyên môn khác:**

- Học sinh giỏi cấp tỉnh: 4 em;

- Học sinh đạt giải Vioedu cấp tỉnh: 03 em

- Học sinh giỏi cấp huyện: 59 em;

- Học sinh đạt giải Olympic cấp huyện: 06 em.

- Học sinh đạt giải KHKT cấp huyện: 02 em

- Học sinh đạt giải STEM cấp huyện: 03 em

- Học sinh giỏi cấp trường: 315 em;

* Số học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp là 215/215 em, đạt 100%.

* Thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT: $154/175 = 88\%$, Điểm bình quân: 19.36

+ **Đội ngũ CBQL, GVNV:**

Đội ngũ CBQL của trường có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn vững vàng, năng động, sáng tạo, làm việc khoa học, hiệu quả và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

được giao. Đội ngũ giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm cao, năng lực chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, tạo được uy tín trong nhân dân.

Cụ thể :

TT	Chức danh	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp GV		
					Chưa đạt	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Đạt	Khá	Tốt
1	Hiệu trưởng	1				1				1
2	Phó hiệu trưởng	1					1			1
3	Giáo viên	35	29			33	1		5	29
4	Nhân viên	2	2			1	1			
Cộng		39	32			36	3		5	32
5	Giáo viên dạy giỏi cấp huyện	34	29							
6	Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh	1	1							

** Đánh giá xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên cuối năm học 2023-2024*

Cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên 100% đều đạt chuẩn nghiệp vụ sư phạm. 100% CBGV, NV đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác trong giai đoạn mới.

- Số lượng đảng viên 28/38 đ/c chiếm tỷ lệ 73,7%. Trong đó: trình độ lý luận chính trị Trung cấp 02 đ/c. Hàng năm 100% số đảng viên của chi bộ được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Lao động tiên tiến: 39.

- Xếp loại viên chức: HTXSNV: 07 đ/c; HTTNV: 32 đ/c.

- 100% viên chức, người lao động tham gia đầy đủ các phong trào thi đua của ngành và cấp trên.

+ Xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp CBQL, GV: loại Tốt: 32 đ/c tỷ lệ 86.1%.

** Đánh giá chung về tập thể năm học 2023-2024:*

- Nhà trường xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Giữ vững Đơn vị văn hoá, kiểm định chất lượng Cấp độ 2 và trường Chuẩn quốc gia Mức độ 1.

- Công Đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b) Cơ sở vật chất, tài chính:

Trường THCS Diễn Thịnh đóng trên địa bàn xóm Tân Phúc, xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An. Trường có diện tích 8500m²/910 học sinh, (tỉ lệ 9,34m²/HS), trong đó diện tích xây dựng 2000m²; số diện tích còn lại là sân chơi bãi tập cho học sinh học tập, hoạt động giáo dục thể chất; Nhà trường đã được UBND tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 185156/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013.

+ Phòng học và các phòng chức năng phục vụ hoạt động trong nhà trường:

- Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập:

Trường có ba dãy nhà hai tầng 28 phòng, trong đó 19 phòng học cho 19 lớp, 01 phòng Tin học, 02 phòng KHTN, 01 phòng Tiếng Anh, 01 phòng Công nghệ, 01 Phòng Nghệ thuật, 01 phòng KHXH, 01 phòng Đội TNTP, 01 phòng truyền thống, các phòng hành chính- quản trị; dãy nhà cấp bốn gồm 05 phòng gồm: 01 phòng Thư viện, 01 phòng Y tế, 01 phòng Công đoàn, 01 Phòng Bảo vệ, 01 phòng kho. Các phòng học và phòng bộ môn được thiết kế thuận lợi cho việc đi lại của các em học sinh và học sinh khuyết tật, hòa nhập. Phòng học và phòng học bộ môn đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông an toàn cho việc giảng dạy và học tập. Khối phục vụ học tập gồm: 01 phòng Thư viện (gồm 1 phòng đọc cho giáo viên và học sinh có diện tích 100m²). Thư viện được bố trí gần phòng học học sinh thuận tiện cho việc đọc của giáo viên và học sinh.

- Khối hành chính- quản trị:

Gồm 01 phòng Hiệu Trưởng; 01 phòng Phó Hiệu Trưởng; 01 phòng Hội Đồng, 01 phòng Kế Toán, 01 phòng Văn thư. Các phòng đều được đầu tư, mua sắm đầy đủ các trang thiết bị, nội thất đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động trong nhà trường.

Trường có nhà để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên và học sinh được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn trật tự. Nhà xe của giáo viên có diện tích khoảng 100 m², nhà xe của học sinh được bố trí hợp lý thành hai khu vực để xe tách biệt giữa nhà xe giáo viên và nhà xe học sinh. Khu để xe của học sinh được chia cho các lớp, tất cả được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, an toàn.

+ *Trang thiết bị phòng học và thiết bị dạy học:* Các phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế có bảng chống loá, hệ thống ánh sáng đảm bảo yêu cầu phục vụ các hoạt động dạy học. Biểu bảng của các lớp đúng quy cách theo Điều lệ Trường THCS. Có 25 phòng học được trang bị ti vi phục vụ cho giảng dạy. 03 máy tính xách tay phục vụ hoạt động chuyên môn, 32 máy tính phòng Tin học, 03 máy tính bàn (phòng phó hiệu trưởng: 1, phòng thư viện: 1, Phòng kế toán: 1) phục vụ công tác chuyên môn. Tất cả máy tính đều được nối mạng Iternet.

+ *Khu vực công cộng:*

Có hệ thống nước, nước uống (nước lọc) có giấy chứng nhận đảm bảo sức khỏe do công ty nước Thủy Tiên cung cấp.

+ *Khu vệ sinh:* 02 khu vực vệ sinh của giáo viên và học sinh sạch sẽ đảm bảo tiêu chí vệ sinh công cộng.

+ *Khu vực nhà xe:* 02 dãy nhà để xe kiên cố đáp ứng cho giáo viên, học sinh.

*** Điểm mạnh:**

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Phòng GD&ĐT, Đảng uỷ, chính quyền, các ban ngành đoàn thể địa phương và Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Ban Giám hiệu là một tập thể đoàn kết, chỉ đạo điều hành các hoạt động của nhà trường một cách đồng bộ hiệu quả. Biết phát huy dân chủ trong trường học. Công tác tổ chức quản lý của Ban giám hiệu có tầm nhìn khoa học, sáng tạo; các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn có tính khả thi, sát thực tế; công tác tổ chức triển khai kiểm tra đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới; được sự tin tưởng cao của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

- Tập thể cán bộ, GV, CNV ổn định, phần lớn đã công tác nhiều năm tại trường, tay nghề đa số vững vàng, đủ về số lượng, chất lượng chuyên môn khá đồng đều, đạt chuẩn 100%. Tỷ lệ giáo viên giỏi các cấp đạt cao. Tập thể giáo viên đoàn kết, trách nhiệm, có nhu cầu và mạnh dạn trong đổi mới phương pháp dạy học, có năng lực có phẩm chất chính trị tốt, thương yêu học sinh, nhiệt tình giảng dạy, năng lực cơ bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

- Đa số học sinh chăm ngoan. Phong trào học tập, phong trào hoạt động Đội khá tốt.

- Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường trong những năm học qua hoạt động có hiệu quả. Ban đại diện cha mẹ sinh hoạt động khá tích cực và có hiệu quả.

- Cơ sở vật chất khá khang trang, rộng rãi, thoáng mát. Thiết bị dạy - học cơ bản đủ để phục vụ cho giảng dạy và học tập của nhà trường.

- Sau nhiều năm hoạt động nhà trường đã thu được những kinh nghiệm về công tác quản lý, các nề nếp đã đi vào ổn định. Cảnh quan nhà trường đảm bảo “Xanh - Sạch - Đẹp- An toàn”, thu hút phụ huynh học sinh trên địa bàn tin tưởng khi đưa con em đến trường.

*** Điểm yếu:**

- Một bộ phận người dân thiếu sự quan tâm đến giáo dục nhất là việc học tập của con em nên có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng chung của từng lớp và nhà trường, một số học sinh chưa có ý thức tự giác học tập, việc tự học, tự rèn luyện còn hạn chế.

- Một số ít giáo viên khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy còn hạn chế.

- Chất lượng đại trà học sinh chưa cao, chất lượng học sinh giỏi các cấp chưa ổn định.

- CSVC: Một số phòng học bàn, ghế kích thước chưa đạt chuẩn. Thiếu máy vi tính phục vụ dạy-học môn tin học của phòng máy.

b) Yếu tố bên ngoài:

Trường cấp 1,2 Diễn Thịnh được thành lập và đi vào hoạt động từ năm học 1965-1966. Đến năm 1992, trường phổ thông cơ sở cấp 1,2 Diễn Thịnh tách thành hai trường riêng là trường THCS Diễn Thịnh và trường tiểu học Diễn Thịnh.

Trường THCS Diễn Thịnh đóng trên địa bàn xóm Tân Phúc. Trong nhiều năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và quan tâm chỉ đạo của chính quyền địa phương, đặc biệt là sự nỗ lực của tập thể giáo viên và học sinh, Trường THCS Diễn Thịnh đã gặt hái được những thành tích đáng tự hào. Cụ thể: Từ khi thành lập đến nay, nhiều năm trường liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc. Năm học 2018-2019 trường được công nhận lá cờ đầu ngành giáo dục Diễn châu. Các tổ chức trong nhà trường như: Chi bộ, Công đoàn, Đội Thiếu niên nhiều năm đạt danh hiệu xuất sắc. Trường có đội ngũ CV, GV, NV trẻ, khỏe, tâm huyết, nhiệt tình, đang không ngừng tu dưỡng, rèn luyện và sẵn sàng cống hiến cho sự nghiệp giáo dục. Trường có học sinh hiếu học, phụ huynh học sinh quan tâm. Nhà trường luôn nêu cao tinh thần quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ. Qua 69 năm xây dựng và trưởng thành,

nhà trường luôn nhận được sự quan tâm giúp đỡ của Phòng GD&ĐT Diễn Châu, của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương Diễn Thịnh, của hội cha mẹ học sinh... Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đã nỗ lực hết mình, cùng với sự cố gắng vươn lên của các em học sinh, trong những năm qua, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày được nâng lên, được nhân dân địa phương tin tưởng.

Khoa học công nghệ ngày càng phát triển nhanh, mạnh và được vận dụng khá rộng rãi trong cuộc sống hàng ngày đem lại hiệu quả thiết thực cho giáo viên và học sinh đặc biệt là nhu cầu cho việc học tập của học sinh đòi hỏi đáp ứng ngày càng cao và mở rộng ra trên các lĩnh vực nên chủ trương đổi mới GD&ĐT của Đảng và Nhà nước là rất phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

Các trường THCS trong toàn huyện đang nỗ lực phát triển mạnh mẽ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường, của địa phương.

2.2. Xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi và mục tiêu của chương trình giáo dục nhà trường.

Căn cứ vào kết quả phân tích yếu tố bên trong và bên ngoài nhà trường, Tổ ĐBCL xác định:

a) Tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi, triết lý của nhà trường;

Tầm nhìn

Đến năm 2025 trường THCS Diễn Thịnh sẽ trở thành một trong những trường có chất lượng nằm trong tốp đầu của ngành giáo dục huyện Diễn Châu. Cơ sở vật chất nhà trường theo hướng hiện đại và khang trang đáp ứng cơ bản về chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Là nơi các bậc phụ huynh tin tưởng gửi gắm con em vào học tập, rèn luyện để trở thành công dân tốt của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sứ mệnh

Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao.

Giá trị cốt lõi

- + Biết vượt khó trong học tập;
- + Có tính kiên trì, cần cù, năng động và sáng tạo;
- + Có lối sống lành mạnh, biết ứng xử tốt trong mọi tình huống;
- + Có lập trường tư tưởng vững vàng, có định hướng nghề nghiệp rõ ràng;
- + Khỏe mạnh cả về thể chất, tinh thần và trí tuệ.

Triết lý của nhà trường

Xây dựng trường THCS Diễn Thịnh “Thân thiện - Chất lượng - An toàn – Hợp tác - Sáng tạo - Phát triển. Tất cả vì học sinh thân yêu”

b) Mục tiêu chương trình giáo dục của nhà trường cần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu quy định của bậc học, quan tâm việc giáo dục đến từng đối tượng HS. Hình thành ở các em 9 năng lực cụ thể là Tự học; Giải quyết vấn đề; Sáng tạo; Tự quản lý; Giao tiếp; Hợp tác; Sử dụng CNTT; Sử dụng ngôn ngữ; Tính toán và 6 phẩm chất cụ thể là Yêu gia đình, quê hương đất nước; Nhân ái khoan dung; Trung thực, tự trọng, chí công, vô tư; Tự lập, tự tin, tự chủ; Có

trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước, nhân loại; Nghĩa vụ công dân, đào tạo các em trở thành những con người năng động, sáng tạo đáp ứng nguồn nhân lực trong bối cảnh hiện nay và để phát triển lên các trình độ cao hơn trong tương lai.

2.3. Xác định chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục.

Quy trình xác định chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục nhà trường gồm 5 bước như sau:

- Bước 1. Thành lập Tổ soạn thảo chuẩn đầu ra;
- Bước 2. Xây dựng dự thảo chuẩn đầu ra;
- Bước 3. Tổ chức khảo sát thu thập thông tin các bên liên quan;
- Bước 4. Hoàn thiện dự thảo chuẩn đầu ra;
- Bước 5. Hoàn thiện, phê duyệt và công bố chuẩn đầu ra.

Sau khi hoàn thiện, chuẩn đầu ra được thông qua hội đồng sư phạm nhà trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành và được công bố trên website của trường.

Chuẩn đầu ra nhằm khẳng định chất lượng, năng lực, phẩm chất của người học sau khi hoàn thành chương trình giáo dục mỗi cấp học, lớp học ở từng môn học và hoạt động giáo dục, trong đó mỗi cấp học, lớp học sau đều có những yêu cầu sau cao hơn, đồng thời bao gồm những yêu cầu đối với các cấp học, lớp học trước đó.

Chuẩn đầu ra của trường năm học 2024- 2025 (Có phụ lục đính kèm-Phụ lục 2)

2.4. Thiết kế chương trình giáo dục.

a) Căn cứ vào mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục, Tổ ĐBCL thiết kế các nội dung:

- Khung kế hoạch thời gian triển khai các môn học;
- Hoạt động giáo dục bắt buộc;
- Các môn học lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp, các môn học tự chọn;
- Nội dung giáo dục của địa phương, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường để thực hiện chương trình giáo dục đã thiết lập được;
- Chương trình tăng cường đáp ứng nhu cầu học sinh, phụ huynh;
- Hội giảng trong nhà trường.

+ Về khung chương trình các môn học và HĐGD:

TT	Môn học	Số tiết của môn/ HĐ lớp 6			Số tiết của môn/ HĐ lớp 7			Số tiết của môn/ HĐ lớp 8			Số tiết của môn/ HĐ lớp 9		
		HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN
1	Ngữ văn	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
2	LS&ĐL	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
3	Ngoại ngữ	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
4	Toán	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
5	KHTN	72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
6	GDCD	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
7	Công nghệ	18	17	35	18	17	35	26	26	52	35	17	52
8	Nghệ thuật	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70

9	GDTC	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70
10	Tin học	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
11	HĐTN-HN	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
12	GD ĐP	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
Tổng số tiết		488	461	1015	488	468	1015	540	492.5	1032.5	540	492.5	1032.5
Số tiết/tuần (cả năm học)		1015 tiết / 35 tuần=29 tiết		1015 tiết / 35 tuần=29 tiết		1032.5 / 35 tuần=29.5 tiết		1032.5 / 35 tuần=29.5 tiết					

- Về chương trình và sách giáo khoa: Sử dụng bộ sách “Kết nối tri thức và cuộc sống” của NXB GD Việt Nam.

b) Tổ chuyên môn lập kế hoạch giáo dục theo năm học, bao gồm:

- Khung thời gian triển khai môn học;
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh;
- Quản lý hồ sơ chuyên môn của giáo viên, dự giờ và phân tích tính sư phạm của bài học;
- Kiểm tra, đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp (có thể sắp thứ tự); đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên;
- Xây dựng các ngân hàng câu hỏi, bài tập cho môn học;
- Hoạt động giáo dục theo hướng phát triển năng lực thông qua tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết.
- Tổ chức trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chuyên môn và phát triển chương trình, phương pháp dạy học, giáo dục; đặc biệt cần lấy nghiên cứu bài học là hoạt động thường xuyên để phát triển nghề nghiệp.

c) Giáo viên lập kế hoạch giáo dục, bao gồm:

- Kế hoạch GD cá nhân, Kế hoạch Bài dạy (giáo án), theo dõi và đánh giá kết quả học sinh, chủ nhiệm lớp (nếu có);
- Xây dựng, biên soạn các tài liệu hướng dẫn dạy học, giáo dục các chuyên đề, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động giáo dục tự chọn dựa trên nhu cầu, đặc điểm địa phương để sử dụng chung trong trường.

2.5. Lập kế hoạch tuyển sinh, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

a) Xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm phù hợp với điều kiện nhà trường, bao gồm:

- Xây dựng quy chế tuyển sinh rõ ràng, công khai, minh bạch; đảm bảo dân chủ, công bằng trong tuyển sinh; tuyển đúng yêu cầu, tiêu chuẩn, đủ số lượng, có cơ chế thu hút học sinh giỏi.
- Tuyên truyền tuyển sinh bằng nhiều hình thức phù hợp ở địa phương, tỉnh, cả nước nhằm thu hút các học sinh khá giỏi, tạo môi trường giáo dục phát triển.

b) Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, bao gồm:

- Động viên tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, kỹ năng hoạt động thực tiễn;
- Nâng cao tỉ lệ giáo viên giỏi các cấp, CBQL cốt cán, giáo viên cốt cán.

- Tăng thu nhập và quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần cho giáo viên. Có chính sách khuyến khích những giáo viên tâm huyết với nghề, năng lực chuyên môn tốt.

2.6. Lập kế hoạch nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học.

Tổ ĐBCL rà soát cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học hiện có của nhà trường, đồng thời huy động các nguồn lực, xã hội hóa giáo dục, tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ xây dựng, sửa chữa, cải tạo các hạng mục công trình cơ sở vật chất, tăng cường trang thiết bị đẩy nhanh tốc độ xây dựng trường phát triển theo hướng hiện đại: mua bổ sung bàn ghế HS, làm mái che sân trường, mua ti vi,, .

3. Đảm bảo chất lượng quá trình dạy học và giáo dục

3.1. Kế hoạch đảm bảo chất lượng dạy học của giáo viên.

a) Giáo viên xây dựng và thực hiện chương trình môn học, lập kế hoạch giáo dục cá nhân, kế hoạch giảng dạy, bao gồm các nội dung sau:

- Thực hiện tốt mục tiêu, nội dung chương trình và kế hoạch dạy học;
- Chuẩn bị bài soạn đầy đủ, chuẩn bị lên lớp ĐBCL, đúng quy định về giảng dạy và giáo dục học sinh;

- Thực hiện nghiêm túc việc lên lớp;
- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng khám phá, thực hành, vận dụng nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh, dạy học “lấy học sinh làm trung tâm”;

- Tổ chức dự giờ và phân tích tính sư phạm của bài học;

- Tổ chức kiểm tra – đánh giá kết quả việc học tập của học sinh;

- Quản lý tốt hồ sơ chuyên môn;

- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên.

b) Giáo viên thiết kế bài giảng bao gồm các nội dung:

- Lấy mục tiêu bài học làm cơ sở để đánh giá kết quả học tập của học sinh sau mỗi tiết học;

- Chuẩn bị tốt đồ dùng dạy học, phương pháp, hình thức, kỹ thuật dạy học;

- Chú trọng thiết kế các hoạt động dạy học bởi các hoạt động trải nghiệm, thực hành, kết nối, khám phá, vận dụng nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh.

c) Giáo viên tổ chức thực hiện tốt kế hoạch bài giảng trên lớp, bao gồm:

- Việc đổi mới phương pháp dạy học đảm bảo theo yêu cầu đề ra;

- Đảm bảo mục tiêu dạy học đề ra;

- Tính phù hợp của hình thức và phương pháp dạy học với nội dung, đối tượng học sinh;

- Người hướng dẫn, tổ chức điều khiển hoạt động học của học sinh;

- Sử dụng hiệu quả các đồ dùng, thiết bị, phương tiện dạy học cho hoạt động dạy học;

- Chu trình nghiên cứu tiết học đi từ hiện trạng học sinh từng hoạt động của tiết học;

- Đánh giá được nguyên nhân chính của những khó khăn trong hoạt động dạy học;
- Những giải pháp chủ yếu cần thực hiện để giúp học sinh tích cực tham gia học tập.

d) Thống nhất việc soạn bài của giáo viên với tổ chức dạy học trên lớp đúng quy định, theo quan điểm định hướng đổi mới giáo dục hiện nay của Bộ GD&ĐT.

e) Tăng cường quản lý hoạt động của tổ chuyên môn và chịu trách nhiệm trực tiếp về chất lượng chuyên môn mà mình được phân công phụ trách.

g) Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm đổi mới phương pháp dạy học và ngược lại.

3.2. Kế hoạch đảm bảo chất lượng hoạt động học tập của học sinh

a) Giáo viên thực hiện tốt quản lý hoạt động học tập của học sinh, bao gồm:

- Quản lý động cơ, thái độ học tập;
- Quản lý phương pháp học tập ở trường cũng như ở nhà;
- Hình thành cho học sinh phương pháp tự học, rèn luyện kỹ năng tự học, bồi dưỡng thói quen, ý chí tự học thông qua việc tổ chức giờ học và hướng dẫn của giáo viên;

- Xây dựng nền nếp, thái độ học tập.

b) Giáo viên thực hiện tốt quản lý thời gian học tập của học sinh, bao gồm:

- Thời gian dạy – học: tiết học, bài học, chủ đề, giữa kì, học kì, môn học, ... thời khóa biểu;

- Tổ chức hoạt động học tập, vui chơi giải trí phù hợp.

c) Giáo viên đánh giá, phân tích kết quả học tập đảm bảo sát thực, đúng chất lượng học tập của từng học sinh.

d) Giáo viên nghiên cứu những phương án dự phòng để giải quyết thỏa đáng nhiệm vụ học tập của từng đối tượng học sinh theo thời gian của tiết học, đồng thời quán triệt quan điểm dạy học theo đối tượng.

3.3. Kế hoạch đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

a) Giáo viên thực hiện đổi mới công tác kiểm tra kết quả học tập của học sinh, bao gồm:

- Quản lý đánh giá thể hiện qua xếp loại, duy trì và phát triển chuẩn chất lượng;
- Kiểm soát và điều chỉnh hoạt động dạy học;
- Giáo dục và phát triển người học (lấy động viên làm phát triển động cơ học tập, khuyến khích tự học,...).

b) Công tác kiểm tra đánh giá thường xuyên được đổi mới một cách cơ bản, đảm bảo tính khách quan, khoa học, tính quá trình và phù hợp chuẩn.

c) Thực hiện đánh giá quá trình, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh thường xuyên, liên tục, diễn ra trong tiết học, trong từng hoạt động của tiết học để nhằm theo dõi việc nắm bắt kiến thức của học sinh so với yêu cầu đặt ra; đánh giá thông qua các sản phẩm học tập, các hoạt động vận dụng kiến thức của học sinh,....

4. Đảm bảo yếu tố đầu ra

4.1. Lãnh đạo, Tổ ĐBCL, Tổ chuyên môn nhà trường thường xuyên đánh giá và có thể sắp thứ tự giáo viên theo từng năm học, bao gồm:

- a) Chỉ đạo đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá giáo viên theo CNN;
- b) Đánh giá chất lượng giờ dạy của giáo viên thông qua kết quả đánh giá giờ dạy;
- c) Tổ chức hội giảng trong nhà trường để đánh giá kết quả thi GVDG, GVCNL giỏi;
- d) Kiểm tra, giám sát thường xuyên, đột xuất việc thực hiện quy chế chuyên môn, kiểm tra toàn diện hồ sơ sổ sách của giáo viên;
- e) Đánh giá tiết học trên lớp (theo phiếu đánh giá tiết học – Phiếu dự giờ), qua các lĩnh vực: Kiến thức, kỹ năng sư phạm, thái độ sư phạm, hiệu quả tiết học).
- g) Chú trọng đánh giá năng lực của giáo viên thông qua kết quả học tập tiên bộ của học sinh so với kì trước, năm học trước.

4.2. Tổ đảm bảo chất lượng đánh giá kết quả học tập của học sinh toàn trường theo từng kì và đối sánh với kết quả kì trước đảm bảo thực chất, chính xác đảm bảo đúng theo quy định của Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT.

- a) Kết quả học tập: Tỷ lệ đạt các mức: Tốt, Khá, Đạt, CĐ.
- b) Kết quả rèn luyện: Tỷ lệ đạt các mức: Tốt, Khá, Đạt, CĐ.
- c) Tỷ lệ học sinh lên lớp hàng năm, bỏ học, lưu ban.
- d) Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THCS.
- e) Kết quả kỳ thi học sinh giỏi các cấp, các hội thi, các sân chơi trí tuệ,...
- g) Kết quả thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT (điểm trung bình) từng môn học và trung bình chung các môn.

4.3. Kế hoạch đảm bảo lợi ích của xã hội.

- a) Khảo sát mức độ hài lòng của cha mẹ học sinh về quá trình dạy học của giáo viên nhà trường như sau:

Trong các kì họp phụ huynh toàn trường, Tổ ĐBCL nhà trường thực hiện phiếu kín khảo sát mức độ hài lòng của cha mẹ học sinh về quá trình dạy học của giáo viên chủ nhiệm và các giáo viên bộ môn theo ba mức: Chưa hài lòng; hài lòng; hài lòng cao. Đây là kênh tham khảo quan trọng cho Tổ ĐBCL để phát huy mặt tốt cũng như hạn chế mặt yếu, điều chỉnh cải tiến kịp thời trong thời gian tới.

- b) Khảo sát mức độ hài lòng của giáo viên tiếp nhận học sinh tiếp tục học lên ở lớp sau, đó là:

Vào đầu năm học, Tổ ĐBCL thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của giáo viên chủ nhiệm và các giáo viên bộ môn về chất lượng học sinh của lớp theo ba mức độ: Chưa hài lòng; hài lòng; hài lòng cao, hướng tới văn hóa chất lượng nhà trường và cũng là kênh tham khảo để đánh giá chất lượng giáo viên năm học trước.

- c) Nhà trường chú trọng trong các tiết học vận dụng kiến thức vào cuộc sống, các hoạt động trải nghiệm, trải nghiệm sáng tạo, hoạt động hướng nghiệp, lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm,... để học sinh sớm hình thành các năng lực: Giao tiếp và hợp tác; tự học và tự chủ; giải quyết vấn đề và sáng tạo.

4.4. Kế hoạch tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ cho học sinh.

a) Nhà trường tư vấn cho người học thi vào lớp 10 THPT hoặc tham gia vào lao động sản xuất, thông qua: Hoạt động trải nghiệm-hướng nghiệp, sinh hoạt lớp, chào cờ đầu tuần,...

b) Nhà trường tuyên truyền, thông báo tới học sinh về thông tin tuyển sinh của các trường chuyên Phan Bội Châu, Chuyên Toán Đại Học Vinh, Các trường THPT trên địa bàn tỉnh, các Trung tâm GDNN-GDTX... thông qua: giờ Chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp, phát tờ rơi thông tin tuyển sinh,...

c) Nhà trường phối hợp với ban tư vấn hướng nghiệp, phối hợp phụ huynh học sinh, các ban ngành phân luồng cho học sinh sau khi Tốt nghiệp THCS.

5. Kinh phí thực hiện

Tổ ĐBCL lập dự toán kinh phí trình Hiệu trưởng phê duyệt để thực hiện hiệu quả kế hoạch ĐBCL nhà trường.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các thành viên Tổ đảm bảo chất lượng:

- Thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công, tham mưu để xây dựng kế hoạch ĐBCL đảm bảo tính khả thi.

2. Lãnh đạo nhà trường:

- Xây dựng kế hoạch ĐBCL, chỉ đạo các thành viên phụ trách từng nhiệm vụ hoàn thành nội dung công việc, đáp ứng được các yêu cầu mà kế hoạch ĐBCL đã đưa ra.

3. Các tổ chức, đoàn thể:

Phối hợp thực hiện để thực hiện tốt kế hoạch ĐBCL.

4. Giáo viên, nhân viên:

Thực hiện kế hoạch ĐBCL đã được ban hành, chịu trách nhiệm trước tổ trưởng tổ ĐBCL của nhà trường về nội dung mà mình đã cam kết.

Diễn Thịnh, ngày tháng 10 năm 2024

TỔ TRƯỞNG

Phan Hữu Túc